

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2024
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiên
2. Bà Phạm Thị Sinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐHPT-HNGĐST ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện Ch1, tỉnh B. Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Liêu Văn Ngh**, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện Ch1, tỉnh B. Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Liêu Văn Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ch1, tỉnh B vào ngày 28/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm

2022 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ các công việc gia đình, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình của nhau, **ngghi ngờ** nhau có quan hệ ngoại tình với người khác. Mâu thuẫn đã được vợ chồng nhiều lần tìm cách cùng giải quyết nhưng không được và ngày càng trầm trọng. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ 4 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm hay có trách nhiệm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Ngh, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng không thể khắc phục và chung sống hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Liêu Văn Ngh.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Ngh có 02 con chung là Liêu Minh Đ, sinh ngày 17/4/2018 và Liêu Quốc Tr, sinh ngày 08/11/2022. Hiện nay các con khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn, do cháu Tr dưới 36 tháng tuổi, cháu Đ học lớp 1 nên cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của mẹ. Anh Ngh thường xuyên đi làm xa nhà, chỗ ở không ổn định, trong khi chị có nơi sinh sống, công việc ổn định và được mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc các con nên chị đề nghị Tòa án giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác minh cho thấy giữa chị Th và Ngh có mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc.*

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu **án phí** theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Liêu Văn Ngh, trú tại: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Liêu Văn Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 28/12/2017 tại UBND xã Ph, huyện Ch1, tỉnh B nên hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh Ngh có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung giữa hai bên không hạnh phúc. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Anh Ngh đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, điều đó thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc hôn nhân.

Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thực tế, có đủ cơ sở xác định hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Th và anh Ngh có hai con chung là Liêu Minh Đ, sinh ngày 17/4/2018 và Liêu Quốc Tr, sinh ngày 08/11/2022. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện nay hai con đang sống cùng chị Th, được chăm sóc tốt, khỏe mạnh phát triển bình thường, chị Th có đủ điều kiện vật chất tinh thần nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung về mọi mặt, để con được chăm sóc, phát triển một cách tốt nhất mà không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định hiện tại của con. Hội đồng xét xử thấy cần giao hai con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật, thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

* *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, **81, 82, 83** Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; **Điều 228; Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Liêu Văn Ngh.

2. Về con chung:

Giao con chung Liêu Minh Đ, sinh ngày 17/4/2018 và Liêu Quốc Tr, sinh ngày 08/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Liêu Văn Ngh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 0000558 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND xã Ph, huyện Ch1, tỉnh B (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương